

QUYẾT TOÁN THU - CHI CÁC KHOẢN THỎA THUẬN NGOÀI HỌC PHÍ NĂM 2023

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Học kỳ II năm học 2022-2023	Học kỳ I năm học 2023-2024	Ghi chú
A	Tiền VS lớp học, nhà VS			
I	Quyết toán thu (Tiền vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh)	22.086,000	16.938,000	
II	Quyết toán chi (Tiền vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh)	22.086,000	16.938,000	
1	Trả tiền thuê người quét dọn vệ sinh	8.500,000	6.800,000	
2	Trả tiền công gom rác thải	2.500,000	2.000,000	
3	Mua đồ vệ sinh hàng tháng	11.086,000	8.138,000	
III	Số dư học kỳ trước (Tiền VS lớp học, nhà VS)	0	0	
IV	Cân đối thu chi (I-II+III) (Tiền VS lớp học, nhà VS)	0	0	
B	Tiền nước uống			
I	Quyết toán thu (Nước uống)	12.270,000	9.410,000	
II	Quyết toán chi (Nước uống)	12.270,000	9.410,000	
1	Công đun nước uống	1.750,000	1.800,000	
2	Ga đun nước	7.420,776	7.409,736	
3	Thay lõi lọc, sửa téc nước máy lọc, XN nước, mua bình nước, giá để bình...	3.099,224	200,264	
III	Số dư học kỳ trước (Nước uống)	0	0	
IV	Cân đối thu chi (I-II+III) (Nước uống)	0	0	
C	Tiền đóng góp năm đầu tiên vào nhà trẻ			

STT	Nội dung	Học kỳ II năm học 2022-2023	Học kỳ I năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Quyết toán thu (Tiền đóng góp năm đầu vào nhà trẻ)	11.700,000	15.300,000	
II	Quyết toán chi (Tiền đóng góp năm đầu vào nhà trẻ)	12.000,000	15.295,800	
1	Mua bổ sung đồ dùng bán trú	12.000,000	15.295,800	
III	Số dư học kỳ trước (Tiền đóng góp năm đầu vào nhà trẻ)	300,000	0	
IV	Cân đối thu chi (I-II+III) (tiền đóng góp năm đầu vào nhà trẻ)	0	4,200	Tiền đóng góp của HS chuyển sang học kì II
D	Tiền học bán trú			
I	Quyết toán thu (Tiền học bán trú)	425.961,10	387.680,00	
1	Tiền ăn	383.519,10	348.912,00	
2	Tiền chất đốt và phụ phí	42.442,00	38.768,00	
II	Quyết toán chi (Tiền học bán trú)	461.507,23	352.177,81	
1	Chi ăn hàng ngày	377.997,13	319.700,14	
2	Thanh toán trả lại tiền ăn cho HS	36.936,00	1.800,00	
3	Tiền chất đốt và phụ phí hàng tháng	42.470,10	30.477,66	
4	Thanh toán trả lại tiền chất đốt cho HS	4.104,00	200,00	
III	Số dư học kỳ trước (Tiền học bán trú)	35.546,13	-	
IV	Cân đối thu chi (I-II+III) (Tiền học bán trú)	0	35.502,19	Tiền học bán trú của HS thừa chuyển sang tháng sau
E	Tiền QL, CS trẻ buổi trưa ăn bán trú			
I	Quyết toán thu (QL, CS trẻ buổi trưa ăn bán trú)	125.514,000	113.946,000	
	Tiền QL, CS trẻ buổi trưa ăn bán trú	125.514,000	113.946,000	
II	Quyết toán chi (QL, CS trẻ buổi trưa ăn bán trú)	137.316,000	103.122,000	
1	Tiền công QL, CS trẻ buổi trưa ăn bán trú	125.028,000	102.522,000	

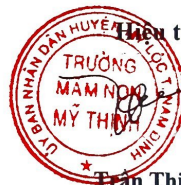
STT	Nội dung	Học kỳ II năm học 2022-2023	Học kỳ I năm học 2023-2024	Ghi chú
2	Thanh toán trả lại cho HS	12.288,000	600,000	
III	Số dư học kỳ trước (Tiền học bán trú)	11.802,000	0	
IV	Cân đối thu chi (I-II+III) (Tiền QL, CS trẻ buổi trưa ăn bán trú)	-	10.824,000	Tiền QL, CS trẻ buổi trưa ăn bán trú thừa chuyển sang tháng sau
F	Tiền công thuê người nấu ăn, phục vụ nuôi ăn bán trú			
I	Quyết toán thu (Tiền công thuê người nấu ăn, phục vụ nuôi ăn bán trú)	91.725,000	73.815,000	
1	Tiền công thuê người nấu ăn, phục vụ nuôi ăn bán trú	91.725,000	73.815,000	
II	Quyết toán chi (Tiền công thuê người nấu ăn, phục vụ nuôi ăn bán trú)	92.025,000	73.655,000	
1	Trả công người nấu ăn phục vụ nuôi ăn bán trú	92.025,000	73.655,000	
III	Số dư học kỳ trước (Tiền học bán trú)	300,000	0	
IV	Cân đối thu chi (I-II+III) (Tiền học bán trú)	-	160,000	Tiền công nấu ăn, phục vụ bán trú của HS chuyển sang tháng sau
G	Tiền chăm sóc giáo dục trẻ ngày thứ 7			
I	Quyết toán thu (Tiền chăm sóc giáo dục trẻ ngày thứ 7)	47.640,000	41.220,000	
1	Tiền chăm sóc giáo dục trẻ ngày thứ 7		41.220,000	
II	Quyết toán chi (Tiền chăm sóc giáo dục trẻ ngày thứ 7)	54.690,000	33.494,400	
1	Chi thù lao cho giáo viên trực tiếp (70%)	32.424,000	23.173,080	
2	Chi công tác quản lý (15%)	6.948,000	4.965,660	
	- Hiệu trưởng (5%)	2.316,000	1.655,220	
	- Phó hiệu trưởng (5%)	2.316,000	1.655,220	
	- Phó hiệu trưởng (5%)	2.316,000	1.655,220	
3	Chi sửa chữa CSVC nhỏ (15%)	6.948,000	4.965,660	

STT	Nội dung	Học kỳ II năm học 2022-2023	Học kỳ I năm học 2023-2024	Ghi chú
4	Thanh toán trả lại tiền thứ bảy cho HS	8.370,000	390,000	
III	Số dư học kỳ trước (Tiền chăm sóc giáo dục trẻ ngày thứ 7)	7.050,000	0	
IV	Cân đối thu chi (I-II+III) (Tiền chăm sóc giáo dục trẻ ngày thứ 7)	-	7.725,600	Tiền CS, GD trẻ ngày thứ bảy của HS thừa chuyển sang tháng sau

Mỹ Thịnh, ngày 01 tháng 04 năm 2024

Người Lập

Hoàng Thị Kim Phượng



Hiệu trưởng

Trần Thị Phương